

## GHI NHẬN BAN ĐẦU VỀ KHU HỆ LINH TRƯỞNG CỦA KHU ĐỀ XUẤT BẢO TỒN A YUN PA, GIA LAI

TRẦN VĂN BẰNG, HOÀNG MINH ĐỨC

*Viện Sinh thái học Miền Nam,  
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Khu đề xuất khu bảo tồn thiên nhiên A Yun Pa nằm ở vị trí Đông Nam của tỉnh Gia Lai, tiếp giáp với tỉnh Phú Yên ở phía Đông, được đề xuất thành lập khu bảo tồn vào năm 2004 với tổng diện tích khoảng 44.268 ha [22, 24]. Về mặt địa hình và kiểu thảm thực vật, khu vực là vùng chuyển tiếp mở rộng của vùng sinh thái Trung Trường Sơn sang vùng sinh thái rừng khô Trung Đông Dương và Nam Trường Sơn. Do đó, thảm thực vật trong vùng có sự đa dạng theo độ cao từ vùng cao nguyên xuống vùng thấp. Trong đó, kiểu rừng kín thường xanh núi thấp có ở độ cao từ 900 m đến 1300 so với mặt nước biển, kiểu rừng nửa rụng lá và rừng khộp có độ cao từ 300 m đến 900m so với mặt nước biển [24].

Với những đặc trưng về kiểu địa hình, thảm thực vật thì giá trị về đa dạng sinh học trong khu đề xuất được đánh giá khá cao. Ghi nhận ban đầu bởi Trần Quang Ngọc và cộng sự [24] cho thấy khu hệ động thực vật có 439 loài thực vật bậc cao, 27 loài thú, 147 loài chim. Khu hệ linh trưởng trong vùng được ghi nhận với 04 loài bao gồm Khi đuôi lợn (*Macaca leonina*), khi đuôi dài (*M. fascicularis*), chà vá (*Pygathrix* sp.) và vượn đen má vàng (*Nomascus gabriellae*) [24]. Khảo sát sau này của hội đồng vật Frankfurt cũng ghi nhận được chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*) trong cộng đồng dân cư và gặp chà vá ngoài tự nhiên nhưng chưa thể kết luận loài chà vá nào có phân bố trong khu đề xuất [23].

Bài báo này trình bày kết quả ghi nhận ban đầu về khu hệ linh trưởng trong vùng cùng với một số ghi nhận ban đầu về các loài động vật quý hiếm được ghi nhận trong thời gian nghiên cứu.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Hoạt động thực địa khảo sát linh trưởng tại khu đề xuất được tiến hành từ tháng 11/2011 đến tháng 05/2012 với tổng cộng 3 chuyến thực địa với 30 ngày điều tra được thực hiện trong ba kiểu sinh cảnh chính của vùng bao gồm rừng thường xanh nhiệt đới núi thấp, rừng nửa rụng lá nhiệt đới núi thấp và rừng rụng lá nhiệt đới núi thấp. Các dụng cụ khảo sát thực địa được sử dụng trong khảo sát bao gồm máy ảnh, máy định vị cầm tay (Garmin 60 Csx), và la bàn. Người điều tra di chuyển theo đường mòn sẵn có hoặc tạo mới trong các kiểu sinh cảnh với tổng km khảo sát khoảng 72km để ghi nhận các loài linh trưởng. Thời gian khảo sát bao gồm cả ban ngày (từ 7h00 đến 17h00) và ban đêm (từ 19h00 đến 23h00). Bên cạnh hoạt động điều tra thực tế, phỏng vấn người dân địa phương trong quá trình điều tra và truy lục tài liệu cũng được áp dụng để có thêm nguồn thông tin về khu hệ linh trưởng trong vùng.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Kết quả ghi nhận

Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận được 06 loài linh trưởng hiện diện trong khu vực với 05 loài được xác định chắc chắn hiện diện và 01 loài được ghi nhận tạm thời. Các loài được xác định chắc chắn gồm có vượn má vàng (*Nomascus gabriellae*), chà vá chân xám (*Pygathrix cinerea*), khi đuôi dài (*Macaca fascicularis*), khi đuôi lợn (*Macaca leonine*) và cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*). Loài vọc bạc Trường Sơn (*Trachypithecus margarita*) được ghi nhận tạm thời do nhóm điều tra chưa ghi nhận trực tiếp ngoài thực địa và chỉ thu thập được thông tin nhờ vào

phỏng vấn người dân địa phương trong vùng. Thông tin chi tiết về các vị trí ghi nhận linh trưởng được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1

Vị trí ghi nhận linh trưởng ở A Yun Pa

Stt	Tên thông thường	Tên khoa học	N	E	Độ cao (m)	Số lượng	Sinh cảnh
1	Khi đuôi dài	<i>Macaca fascicularis</i>	13.39	108.54	374	6 cá thể	Rừng bán thường xanh
2	Khi đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>	13.42	108.58	364	7 cá thể	Rừng bán thường xanh
3	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	13.44	108.58	283	1 cá thể	Rừng hỗn giao tre nứa
4	Chà vá chân xám	<i>Pygathrix cinerea</i>	13.55	108.73	800	7 cá thể	Rừng thường xanh
5	Vượn đen má vàng	<i>Nomascus gabriellae</i>	13.39	108.54	367	1 bầy*	Rừng bán thường xanh
6	Vượn đen má vàng	<i>Nomascus gabriellae</i>	13.42	108.57	199	3 bầy*	Rừng bán thường xanh
7	Vượn đen má vàng	<i>Nomascus gabriellae</i>	13.57	108.73	523	2 bầy*	Rừng thường xanh

Ghi chú: \*: Vị trí ghi nhận được là vị trí nghe tiếng hót của bầy

Bên cạnh các loài linh trưởng ghi nhận được trong nghiên cứu này, khi mặt đồ cũng được xác định sinh sống trong rừng qua khảo sát trước đây [23]. Với kết quả ghi nhận được, khu đề xuất A Yun Pa có 01 loài được xếp ở mức Cực kỳ nguy cấp – CR, một loài nguy cấp – EN, hai loài sẽ nguy cấp – VU và nếu vọc bạc Trường Sơn được xác nhận thì sẽ có thêm 01 loài nguy cấp nữa cho khu hệ linh trưởng trong vùng. Bên cạnh giá trị bảo tồn linh trưởng, khu đề xuất còn có ý nghĩa quan trọng trong bảo tồn công (*Pavo muticus*), các loài thú ăn cỏ lớn như bò rừng (*Bos banteng*) [24].

## 2. Tình trạng bảo tồn của loài

**Vượn đen má vàng:** Trong khu vực nghiên cứu, vượn đen má vàng được ghi nhận tại kiểu sinh cảnh rừng nửa rụng lá núi thấp và rừng thường xanh núi thấp. Các nghiên cứu trước đây cũng cho thấy sự thích nghi của vượn đen má vàng đối với các kiểu sinh cảnh tương tự như ở A Yun Pa [7, 10]. Vượn đen má vàng được ghi nhận lần đầu tiên ở A Yun Pa vào năm 1998 nhờ vào một bàn tay do thợ săn cung cấp và được nhận định quần thể phân bố ở mật độ thấp do không ghi nhận được tiếng hót trong quá trình điều tra thực địa [24]. Tuy vậy, trong nghiên cứu này, vượn đen má vàng được ghi nhận ở cả ba điểm đóng trại trong sinh cảnh rừng thường xanh núi thấp và rừng bán thường xanh. Trước đó, 01 bầy vượn cũng được ghi nhận trong vùng [23] và với 06 bầy nghe được trong nghiên cứu này cho thấy mật độ quần thể có thể cao hơn so với nhận định của Trần Quang Ngọc và cộng sự (2001).

Do đây chưa phải là nghiên cứu chuyên sâu về đánh giá tình trạng quần thể vượn nên tác giả chưa thể cung cấp thông tin về kích thước quần thể ước tính. Tình trạng quần thể của vượn đen má vàng ở Việt Nam được đánh giá lần đầu vào năm 2000 [7] và được đánh giá, cập nhật lại vào năm 2010 [20]. Theo đó, các khu vực quan trọng trong bảo tồn vượn đen má vàng ở Việt

Nam bao gồm VQG Cát Tiên, Bù Gia Mập, cao nguyên Lang Biang [20]. So với các khu vực khác đã được đánh giá chuyên sâu về tình trạng quần thể vượn má vàng ở Việt Nam như VQG Bù Gia Mập, Cát Tiên [6, 10, 20] thì quần thể vượn tại A Yun Pa có thể còn được duy trì với tình trạng tương tự do diện tích sinh cảnh phù hợp khá lớn (hơn 26.000 ha).

**Chà vá chân xám:** Kiểu sinh cảnh rừng thường xanh núi thấp là kiểu sinh cảnh duy nhất ghi nhận sự hiện diện của loài này trong vùng. Một bầy chà vá chân xám được ghi nhận với 7 cá thể. Trước đó, quần thể chà vá chân xám ở A Yun Pa được ghi nhận với khoảng 30-40 cá thể nhờ vào thông tin phỏng vấn [23]. Tình trạng quần thể chà vá chân xám ở A Yun Pa hiện chưa biết được đầy đủ nhưng đang đối mặt với nguy cơ suy giảm do tình trạng săn bắt. Cụ thể, có ít nhất 03 cá thể chà vá chân xám đã bị săn bắt từ năm 2004 đến 2008 [23].

Hiện tại, diện tích của kiểu sinh cảnh rừng thường xanh núi thấp trong vùng không lớn, khoảng 2.423 ha [24], nhưng ít chịu các tác động như lấn chiếm đất rừng và khai thác gỗ nên cấu trúc rừng còn tương đối nguyên vẹn. Hơn nữa, kiểu sinh cảnh này tiếp giáp với tỉnh Phú Yên, khu vực huyện Đông Xuân với kiểu rừng thường xanh chiếm diện tích lớn, có thể tạo thành vùng sinh cảnh sống rộng lớn cho loài linh trưởng quý hiếm này. Với những kết quả ghi nhận được, kích thước quần thể của loài linh trưởng cực kỳ nguy cấp này trong vùng có thể cao hơn nhiều so với số liệu ghi nhận được.

Chà vá chân xám được đánh giá là một trong 25 loài linh trưởng nguy cấp nhất toàn cầu trong nhiều năm liền [12, 13]. Hiện tại, cả ở cấp độ quốc gia và quốc tế, chà vá chân xám đều được xếp ở mức Cực kỳ nguy cấp – CR [1, 17]. Chà vá chân xám ở Việt Nam được ghi nhận có vùng phân bố hẹp ở Trung Trường Sơn tại các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Bình Định [8, 15] với kích thước quần thể ước tính dưới 1000 cá thể mặc dù có nhiều ghi nhận về kích thước quần thể mới cho loài [8, 14, 18]. Cho đến hiện tại, kích thước quần thể của chà vá chân xám tại từng khu vực phân bố thường dao động dưới 200 cá thể mặc dù các khu vực này cũng có diện tích rộng lớn. Trong khi quần thể có kích thước lớn nhất được ghi nhận ở VQG Kon Ka Kinh với khoảng 200 cá thể [8], toàn tỉnh Quảng Ngãi được ước tính có khoảng 192-220 cá thể nhưng bị chia phân mảnh thành 08 quần thể nhỏ [18]. Vì vậy, việc xác định thêm sự phân bố của loài ở A Yun Pa giúp tăng cơ hội bảo tồn đối với loài này ở Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung.

**Khỉ đuôi dài:** Một bầy khỉ đuôi dài với 06 cá thể được ghi nhận trong kiểu sinh cảnh rừng nửa rụng lá. Thời gian ghi nhận được vào khoảng 7h45 sáng, khi người điều tra đang quan sát hai bên sườn núi. Mặc dù khỉ đuôi dài được đánh giá có vùng phân bố rộng khắp ở nam Việt Nam và còn được duy trì với kích thước quần thể lớn [16] nhưng chỉ với 01 ghi nhận trong vùng A Yun Pa cho thấy loài này có mật độ phân bố thấp trong rừng, ngay cả khi kiểu sinh cảnh rừng nửa rụng lá chiếm ưu thế trong vùng.

Khỉ đuôi dài có vùng phân bố lớn ở Việt Nam [5] và tình trạng quần thể của loài cũng không đáng lo ngại do khả năng thích nghi cao với nhiều kiểu sinh cảnh sống khác nhau [19]. Tuy vậy, tình trạng quần thể của loài tại nhiều khu rừng ở Việt Nam hiện đang đối mặt với nguy cơ suy giảm nhanh do tình trạng săn bắn, bẫy để làm thực phẩm, buôn bán vì mục đích thực phẩm, thú nuôi và vật thí nghiệm y sinh. Do đó, tại một số vùng như VQG Bù Gia Mập, thì kích thước quần thể của loài có thể không nhiều bằng và khả năng bắt gặp thấp hơn so với các loài linh trưởng khác.

**Khỉ đuôi lợn:** Khỉ đuôi lợn trong vùng được ghi nhận qua hai cá thể, một được nuôi nhốt trong làng và một được người dân bắt trong rừng. Bên cạnh đó, một bầy với khoảng 07 cá thể cũng được ghi nhận ở kiểu sinh cảnh rừng thường xanh giữa khe núi, trong khu vực mà kiểu

sinh cảnh rừng nửa rụng lá chiếm ưu thế. Tuy nhiên, bầy ghi nhận được khá nhất với sự hiện diện của con người. Cùng với khi đuôi dài, khi đuôi lợn cũng là đối tượng dễ bị săn bắt nhất trong các loài linh trưởng ở A Yun Pa.

Tình trạng quần thể của loài khi đuôi lợn chưa được đánh giá ở quy mô quốc gia cũng như nhiều khu vực khác. Tuy nhiên, khả năng bắt gặp khi đuôi lợn trong nhiều khu vực rừng ở vùng phân bố của loài còn thấp, thậm chí thấp hơn so với các loài như chà vá chân đen, vượn đen má vàng. Do vậy, các cuộc khảo sát linh trưởng trong thời gian tới cần hướng đến việc đánh giá sự phân bố cũng như tình trạng của loài linh trưởng sẽ nguy cấp này.

**Cu li nhỏ:** So với các loài linh trưởng khác, loài cu li nhỏ ít được ghi nhận hơn với 02 ghi nhận và 02 cá thể trong kiểu rừng hỗn giao với tre nứa. Trong khu vực, kiểu sinh cảnh rừng nửa rụng lá, rừng rụng lá và rừng hỗn giao tre nứa chiếm diện tích khá nhiều. Đây là kiểu sinh cảnh rừng ưa thích của cu li nhỏ. Vì vậy, tình trạng quần thể cu li nhỏ tại A Yun Pa có thể còn được duy trì ở mức độ tốt.

Cu li nhỏ ở Việt Nam chưa được đánh giá đúng về tình trạng quần thể. Phần lớn các ghi nhận, báo cáo đều chỉ dừng ở mức độ ghi nhận có hoặc không sự hiện diện của loài trong vùng nghiên cứu. Bên cạnh đó, một số khảo sát có triển khai thực địa vào ban đêm có ghi nhận được cu li nhưng số lượng cá thể ghi nhận không cao [2, 4] cho thấy mức độ nguy cấp của loài.

**Voọc bạc Trường Sơn:** Sự phân bố của loài voọc bạc Trường Sơn trong vùng vẫn ở tình trạng tạm thời do chưa có ghi nhận trực tiếp dựa vào quan sát hoặc mẫu vật. Tuy nhiên, năm 2009, hai cá thể linh trưởng bị người dân săn được trong rừng ven suối ở kiểu sinh cảnh rừng bán thường xanh núi thấp với đặc điểm chính là cơ thể có màu đen đến xám bạc, đuôi dài, bàn tay, chân và mặt đen. Các đặc điểm mô tả nói trên có thể phần nào cho thấy khả năng xuất hiện của loài voọc bạc trong vùng. Hơn nữa, kiểu sinh cảnh rừng ven suối cũng được xem là kiểu sinh cảnh ưa thích của loài voọc bạc [16, 21]. Với hơn 20.000 ha rừng nửa rụng lá trong khu đề xuất và 2.423 ha rừng thường xanh núi thấp, khu đề xuất cho thấy tiềm năng về vùng sinh sống hữu dụng đối với loài voọc bạc Trường Sơn.

Mặc dù voọc bạc Trường Sơn được đánh giá có vùng phân bố rộng lớn ở Việt Nam [15, 16] nhưng kích thước quần thể của loài cho vùng phân bố vẫn chưa được ghi nhận cũng như đánh giá. Hiện tại, quần thể duy nhất được xác định kích thước nằm tại Khu bảo tồn Thiên nhiên Tà Kóu với 64 cá thể [9]. Các khu vực khác có ghi nhận chính thức về voọc bạc Trường Sơn ở Việt Nam bao gồm Khánh Hòa, Vườn quốc gia Bù Gia Mập [11], VQG Yok Don [3] và VQG Chư Mom Ray (Vũ Ngọc Thành, thông tin cá nhân). Với những ghi nhận rời rạc và thiếu thông tin về loài trong vùng phân bố ở Việt Nam như trên, thì sự hiện diện của loài ở trong bất kỳ vùng nào cũng giúp tăng cơ hội tồn tại của loài cũng như mở rộng thêm tiềm năng bảo tồn loài ở Việt Nam. Tuy vậy, cũng cần thêm nhiều chương trình khảo sát, nghiên cứu để đánh giá đúng tình trạng bảo tồn của loài ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Đề từ đó, có thể xây dựng được chương trình bảo tồn phù hợp.

### 3. Các nguy cơ thách thức bảo tồn

Cũng như phần lớn các diện tích rừng chưa được bảo vệ ở Việt Nam, tình trạng xâm lấn đất rừng làm nương rẫy và săn, bẫy động vật hoang dã vẫn diễn ra thường xuyên. Tần suất người dân vào rừng để khai thác lâm sản, động vật rừng có thể xem như là thường xuyên. Dọc theo các suối lớn, người dân địa phương (người đồng bào Ba Na) phát rẫy trồng hoa màu (chủ yếu là khoai mì). Khu vực rừng giáp ranh với tỉnh Phú Yên cũng được người dân trong vùng đánh giá có tiềm năng về khai thác trầm hương nên cũng thu hút người dân từ nhiều tỉnh khác đến. Đây cũng là một nguy cơ làm giảm tính đa dạng sinh học do người đi khai thác trầm thường đi với số

lượng lớn (thường từ 5-10 người) và trong thời gian dài nên nguồn thực phẩm chủ yếu là thịt các loài động vật rừng. Trong quá trình khảo sát, nhóm nghiên cứu đã gặp một trại với các xương của động vật rừng như Lợn rừng (*Sus scrofa*), Khỉ (*Macaca spp.*) và nhiều mảnh xương khác xung quanh trại. Bên cạnh đó, do trong vùng có nhiều trảng cỏ nên Nai xám (*Rusa unicolor*) vẫn còn hiện diện và 01 cá thể nai bị săn bắt đã được ghi nhận trong chuyến khảo sát. Một loài bò sát quý hiếm theo Sách Đỏ Việt Nam cũng thường được người dân bắt để làm thực phẩm là Rồng đất (*Physignathus cocincinus*).

Mặc dù được xem là khu vực có giá trị cao về đa dạng sinh học và từng được đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên, Khu đề xuất bảo tồn A Yun Pa không có tên trong Quyết định 1976/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng cả nước đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 cũng như Quyết định 45/2014/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học cả nước đến 2020 và tầm nhìn đến 2030. Vì vậy, cơ quan quản lý cấp tỉnh cần có những kế hoạch cụ thể để bảo vệ ĐDSH cũng như rừng đầu nguồn khu vực này.

### III. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 5 trong tổng số 06 loài linh trưởng sinh sống trong khu đề xuất. Các kết quả ghi nhận đã phản ánh được tình hình về khu hệ linh trưởng trong vùng. Sự có mặt đồng thời của nhiều loài linh trưởng quý hiếm và hiện trạng rừng còn giá trị cao về mặt sinh thái cho thấy khu đề xuất có tiềm năng lớn trong bảo tồn các loài linh trưởng quý hiếm ở Việt Nam. Đặc biệt là chà vá chân xám và voọc bạc Trường Sơn. Tuy nhiên, do chưa thể thành lập Khu bảo tồn nên khu vực còn đối mặt với nhiều nguy cơ làm suy giảm quần thể linh trưởng nói riêng và đa dạng sinh học nói chung. Do đó, trong tương lai cần có thêm nhiều nghiên cứu về giá trị của vùng làm cơ sở cho việc thành lập Khu bảo tồn.

*Lời cảm ơn:* Nhóm tác giả trân trọng gửi lời cảm ơn đến Quỹ “Rufford Small Grant” đã tài trợ kinh phí cho nghiên cứu này qua dự án với mã số 8240-1. Đồng thời, chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn đến Ủy ban nhân dân xã Ia Pa, Hạt kiểm lâm huyện Ia Pa đã đồng ý cho chúng tôi triển khai thực địa. Dự án cũng không thể hoàn thành với nhiều kết quả đáng khích lệ này nếu không có sự giúp đỡ nhiệt tình của người hỗ trợ thực địa, người dân địa phương trong quá trình khảo sát.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Khoa học và Công nghệ**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam - Phần I. Động vật. Nxb. KHTN & CN, Hà Nội.
2. **Đông Thanh Hải, Đỗ Quang Huy, Vũ Tiến Thịnh, Nguyễn Văn Huy, Bùi Hùng Trịnh, Giang Trọng Toàn, Phạm Ngọc Diệp**, 2011. Báo cáo Điều tra Đa dạng sinh học tại Khu bảo tồn Thiên nhiên Nam Nung, Tỉnh Đắk Nông. Chi cục Kiểm lâm Đắk Nông - Ban quản lý Khu bảo tồn Thiên nhiên Nam Nung: Hà Nội.
3. **Eames, J., D. T. Nguyen, T. T. Le, N. C. Dang, V. T. Ngo, D. D. Hoang, N. T. Thai, T. T. H. Nguyen**, 2004. Draft Final Biodiversity Report for Yok Don National Park, Dak Lak Province, PARC Project VIE/95/G31&031, Government of Viet Nam (FPD)/UNOPS/UNDP/ Scott Wilson Asia-Pacific Ltd.: Hanoi.
4. **Fitch-Snyder, H., Vu Ngoc Thanh**, 2002. A Preliminary Survey of Lories (*Nycticebus spp.*) in Northern Vietnam. *Asian Primates*,8(1): 1-3.
5. **Fooden, J.**, 1996. Zoogeography of Vietnamese Primates. *International Journal of Primatology*,17(5): 845-899.

6. **Geissmann, T.**, 1995. The Yellow-cheeked Gibbon (*Hylobates gabriellae*) in Nam Bai Cat Tien (Southern Vietnam) Revisited. *Primates*,36(3): 447-455.
7. **Geissmann, T., N. Xuan Dang, N. Lormée, M. F.**, 2000. Vietnam primate conservation status review 2000 - Part 1: Gibbons. Fauna and Flora International, Indochina Programme, Hanoi, Vietnam.
8. **Hà Thăng Long**, 2004. Distribution and status of the grey-shanked douc langur (*Pygathrix cinerea*) in Vietnam. In, T. Nadler, U. Streicher, and Ha Thang Long(ed) Conservation of Primates in Vietnam, Ha Noi Publisher: Ha Noi 52-57.
9. **Hoang Minh Duc, Tran Van Bang, H. H. Covert, Luu Hong Truong**, 2010. Conservation status of primates in Ta Kou Nature Reserve. In, T. Nadler, B.M. Rawson, and Van Ngoc Thinh(ed) Conservation of Primates in Indochina, Frankfurt Zoological Society and Conservation International: Hanoi 91-98.
10. **Kenyon, M. A.**, 2007. The ecology of the golden-cheeked gibbon (*Nomascus gabriellae*) in Cat Tien National Park, Vietnam. University of Cambridge: Cambridge.

**INITIAL DATA ON PRIMATE FAUNA OF  
A YUN PA PROPOSE NATURAL RESERVE, GIA LAI PROVINCE**

**TRAN VAN BANG, HOANG MINH ĐUC**

**SUMMARY**

A Yun Pa, one of two areas in Gia Lai province was proposed ed as a Natural Reserve since 2004 but have not been established yet, therefore its forest and biodiversity are facing to many threats. The total area of this area is 44.268 ha, in which evergreen forest and semi-evergreen forest dominant comprises 22.770 ha, of those the decidouous forest is 17.350 ha. The biodiversity of A Yun Pa has been assessed rapidly, it showed that there are 439 species of vascular plants, mammals: 27 species including four primate species, and bird: 147 species. Three surveys were conducted from 11/2011 to 05/2012 in three main forest types in order to get initial information about primate fauna of this region. The traditional survey methods including interview, survey in forest by using existing trailed were perfomed to collect data. Five primate species were confirmed and one other endangered species, *Trachypithecus margarita* was provisionally recorded, the initial information about status of each primate species was gained from this study. Thirteen individuals of six groups of the southern yellow checked gibbon were recorded in both semi-evergreen and evergreen forests. Meanwhile there were 5 to 7 individuals of one group of gray-shanked douc recorded inhabiting only in evegreen forest. The pygmy loris was twice seen in semi-evergreen forest. The group of 6 and 7 individuals of the long-tailed and pig-tailed macaque were recorded once in semi-evergreen forest. Since this site is non-protected area, biodiversity, especially primate, are threatened by human activities for instance hunting and agriculture encroachment.